

Bản án số: 87/2017/HSST

Ngày: 11/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiến - Hiệu trưởng Trường tiểu học Bàu Công, Tân Mỹ

2. Ông Nguyễn Văn Minh - Cán bộ Hưu trí;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn - Kiểm sát viên;

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2017/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn C, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã N, huyện D, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã N, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn D (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N (chết); Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Con: 01 người sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2017 đến nay, bị cáo có mặt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C: Luật sư Võ Văn Đ – Chi nhánh văn phòng luật sư Phạm Văn C, Đoàn luật sư tỉnh Long An, (có gửi bài bào chữa và đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Người bị hại: Ông Cao Phước T (C), sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện D, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Tuyết N (tên gọi khác L), sinh năm 1969.

Nơi đăng ký HKTT: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã K, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 19/10/2016, anh Cao Phước T (tên gọi khác C) điều khiển xe mô tô biển kiểm số 51U5-3355 đến nhà Võ Văn N tại ấp A, xã N, huyện D, tỉnh Long An để lấy tiền nợ. Khi đến nơi, anh N không có ở nhà, anh T chỉ gặp vợ anh N là chị Trần Thị Tuyết N. Lúc này, có Nguyễn Văn C ở gần sang nhà anh N chơi và ngồi xem ti vi trong nhà, C mở âm thanh ti vi lớn nên T đi vào nói với C là “sao mở ti vi lớn”, C nghe T nói vậy C không trả lời gì mà đi xuống bếp nhà anh N lấy một con dao phay dài 47 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34 cm, một đầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dao dài 07 cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 13 cm, đường kính dài 04 cm rồi đi lên nhà trên. Anh T ra ngoài sân nghe điện thoại vừa quay vào đến cửa nhà trên, C cầm con dao bằng tay trái đứng đối diện chém nhiều cái trúng vào vùng đầu của anh T, anh T đưa tay phải đỡ và bỏ chạy ra ngoài đường. Sau đó, C tiếp tục dùng dao chém nhiều cái trúng vào xe mô tô biển số 51U5-3355 của T. Gây thương tích xong C bỏ đi về nhà. Riêng anh T bị thương tích nặng, được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 191 ngày 05/12/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An, kết luận thương tích của Cao Phước T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo vết thương căng tay phải, kích thước 08cm x 0,2cm, sẹo lành, lồi nhẹ. Cổ tay phải cử động được.

- Khám lâm sàng còn tê nhiều ngón 4,5 mặt lòng và mặt lưng bàn tay phải đến vị trí vết thương kết hợp kết quả đo điện cơ theo dõi tổn thương thần kinh trụ bên phải đoạn qua vết thương cổ tay phải.

- Đứt gân gấp đã nối lại, ảnh hưởng ít đến động tác duỗi ngón 4,5 bàn tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 22%.

Tại bản cáo trạng số 86/QĐ-KSĐT ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này).

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Nguyễn Văn C đã gây ra; căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều 104). Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc

Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 trong việc đề nghị xem xét hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C xét xử theo khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015.

Về tang vật: 01 con dao phay dài 47 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34 cm, 01 đầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dài 07 cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 13 cm, đường kính 04 cm là tài sản của chị Trần Thị Tuyết N được dùng gây án. Chị N không yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với xe mô tô biển số 51U5-3355 của anh Cao Phước T bị Nguyễn Văn C làm hư hỏng. Anh T không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

- Tại phiên tòa, ông Cao Phước T yêu cầu bị cáo C phải bồi thường tiền thuốc, tiền viện phí điều trị vết thương, mất thu nhập, tổng cộng số tiền là 75.533.000 đồng được bị cáo C đồng ý. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 42 BLHS, căn cứ Điều 590 BLDS năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để ghi nhận và buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường các chi phí hợp lý cho ông Cao Phước T là 75.533.000 đồng.

Luật sư Võ Văn Đ phát biểu tranh luận: Luật sư thống nhất theo tội danh, Điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đức Hòa đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX khi quyết định hình phạt cần lưu tâm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Văn C như: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, trình độ văn hóa thấp nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo bị nhược điểm về thể chất, bị hạn chế khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi phạm tội. Vì các lẽ trên, đề nghị HĐXX căn cứ điểm p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo C với khung hình phạt thấp nhất cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa C cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

1. Trước tòa, bị cáo Nguyễn Văn C nhìn nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng truy tố. Xuất phát từ việc mở âm thanh lớn khi xem ti vi tại nhà anh N, khi nghe anh Cao Phước T hỏi “ vì sao mở ti vi lớn”, bị cáo C không thích bị anh T phê bình nên đi xuống bếp nhà anh N lấy một con dao phay, dùng dao chém nhiều cái vào đầu, trúng vào cổ tay phải của T gây thương tích 22%.

Qua thẩm vấn, nhận dạng trực tiếp và tranh luận công khai tại phiên tòa. Đối chiếu lời trình bày của bị cáo Nguyễn Văn C tại phiên tòa với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác thì Hội đồng xét xử thấy lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Văn C trước tòa phù hợp với lời khai của người bị hại Cao Phước T, khớp

với lời trình bày của chị Trần Thị Tuyết N về thời gian, địa điểm gây án; Đối chiếu Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường, bản ảnh nhận dạng là phù hợp với Bản kết luận giám định và khớp với tang vật và thương tích trên người anh Cao Phước T, phù hợp với các chứng cứ khách quan thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Nguyễn Văn C không có mâu thuẫn gì với anh Cao Phước T nhưng có hành vi dùng dao phay là khung khí nguy hiểm chém nhiều cái vào người ông T gây thương tích 22%. Hành vi của bị cáo C đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều này). Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn C với tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

2. Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của ông Cao Phước T, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, hành vi này của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa C cho xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo C không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác của Điều 104 nên chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng theo Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C có các tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo thành thật khai báo, có ý thức ăn năn; bị nhược điểm về thể chất và bị hạn chế khả năng nhận thức khi thực hiện hành vi phạm tội (Rối loạn tâm thần do sử dụng chất kích thích F15-ICD10) là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS;

Ngoài ra, HĐXX có áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 để áp dụng hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo (khoản 2 Điều 134 BLHS sửa đổi năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn) nên có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C. Từ đó, xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 2 Điều 134 BLHS sửa đổi năm 2015 là phù hợp nên ghi nhận.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Cao Phước T yêu cầu bị cáo C bồi thường các chi phí như sau: Tiền chi phí điều trị, tiền xe đi lại là 19.033.000đồng; Tiền ăn trong quá trình điều trị là 2.500.000đồng; Tiền mất thu nhập cho bị hại T (tài xế lái xe khách) và tiền công người nuôi trong thời gian điều trị là 54.000.000đồng; Tổng cộng bị hại Cao Phước T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là: 75.533.000đồng.

Xét tại phiên tòa, bị cáo C đồng ý bồi thường các chi phí điều trị, tiền xe đi lại, tiền mất thu nhập theo yêu cầu của ông Cao Phước T là 75.533.000đồng là tự nguyện và phù hợp Điều 42 BLHS, Điều 590 BLDS năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên HĐXX ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 51U5-3355 của ông Cao Phước T bị Nguyễn Văn C làm hư hỏng. Ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xem xét.

4. Về tang vật chứng: 01 con dao phay dài 47 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34 cm, 01 đầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dài 07 cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 13 cm, đường kính 04 cm là tài sản hợp pháp của chị Trần Thị Tuyết N được sử dụng làm công cụ phạm tội. Chị N không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

5. Về án phí: Căn cứ điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu án phí HSST và án phí DSST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm p, điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án **02 năm** (hai năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2017.

3. Áp dụng Điều 228 BLTTHS. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn C 45 ngày (kể từ ngày 11/8/2017) để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999, Điều 590 BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho ông Cao Phước T (tên gọi khác C) chi phí tiền thuốc, tiền xe, tiền mất thu nhập lao động tổng cộng là 75.533.000đồng (*Bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải trả thêm lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán hoặc theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015.

5. Về tang vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phay dài 47 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34 cm, 01 đầu nhọn, nơi rộng nhất của lưỡi dài 07 cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 13 cm.

(Tang vật trên do Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tạm quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2017).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C nộp 200.000đồng án phí HSST và 3.776.650đồng án phí DSST sung vào công quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký tên

Nguyễn Khắc Linh Duy